

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **138**/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2026

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Doãn.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Kim C Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2026/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1991; Số CCCD: 052191001470 (vắng mặt, có đơn yêu cầu);

Địa chỉ: Thôn S, xã B, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quốc D, sinh 1984; Số CCCD: 052084009228 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu).

Địa chỉ: Thôn S, xã B, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày: Chị và anh Trần Quốc D kết hôn tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại UBND xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định (cũ) vào ngày 17/8/2010. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng gần 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Hơn nữa, anh D không có trách nhiệm trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết, sau đó

hai bên đã cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống từ năm 2024 đến nay. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị yêu cầu ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh Trần Quốc D có 01 con chung là: Trần Nguyễn Bằng C (nữ) sinh ngày 07/12/2011 hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nhận nuôi con chung đến trưởng thành. Không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Quốc D trình bày: Anh với chị Nguyễn Thị Ngọc G tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2025 anh phải đi chấp hành án tại Trại giam An Phước nên không thể hàn gắn mâu thuẫn. Nay chị G yêu cầu ly hôn anh cũng thống nhất.

Về con chung: Anh và chị G có 01 con chung là: Trần Nguyễn Bằng C (nữ) sinh ngày 07/12/2011 hiện đang sống cùng chị G. Con chung có nguyện vọng sống cùng mẹ nên khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị G nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con vì chị G không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 8, 9, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc G với anh Trần Quốc D. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: Giao con chung tên Trần Nguyễn Bằng C (nữ) sinh ngày 07/12/2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc G nuôi dưỡng đến trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu nên miễn xét; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G và bị đơn là anh Trần Quốc D vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc G với anh Trần Quốc D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định (cũ) vào ngày 17/8/2010 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến thường hay cãi vã. Hai bên không giải quyết được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống, không quan tâm gì nhau từ năm 2024 đến nay. Hơn nữa, anh D còn phạm tội, hiện đang chấp hành án. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị G yêu cầu ly hôn với anh D và anh D cũng đồng ý là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX công nhận.

[3] Về con chung: Chị G và anh D có 01 con chung tên Trần Nguyễn Bằng C (nữ) sinh ngày 07/12/2011 hiện đang sống cùng chị G. Khi ly hôn chị G yêu cầu được nhận nuôi con chung đến trưởng thành và anh D cũng đồng ý. HĐXX xét thấy thỏa thuận về việc nuôi con của chị G và anh D là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung (cháu C muốn được sống cùng mẹ), phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ, nghị nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: chị Nguyễn Thị Ngọc G tự nguyện nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 9, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc G:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Trần Quốc D.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: Giao con chung tên Trần Nguyễn Bằng C (nữ) sinh ngày 07/12/2011 cho chị Nguyễn Thị Ngọc G nuôi dưỡng đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu nên Tòa không xét.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2/ Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc G tự nguyện nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai số 0001110 ngày 02/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai; chị G đã nộp đủ án phí.

3/ Quyền kháng cáo:

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4/ Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 4;
- THA dân sự khu vực 4;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Giang Nam